| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN C**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 716/2019/QĐST-HNGĐ | *C, ngày 01 tháng 7 năm 2019* |

# QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 71, 72, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 107, 110, 116, 117, 118, 119 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 832/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Bà Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm 1997

Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Sơn M, sinh năm 1994

Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị Kiều O và ông Sơn M tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 81/2015 Quyển số 01/2015 ngày 09/6/2015, đây là hôn nhân hợp pháp.

[2] Đời sống hôn nhân không hạnh phúc, bà O nộp đơn ly hôn được Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án nhân dân huyện C hòa giải ngày 17 tháng 6 năm 2019, kết quả hòa giải đoàn tụ không thành, các đương sự thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con và chia tài sản chung nên Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án nhân dân huyện C lập biên bản ghi nhận.

[3] Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con và chia tài sản chung, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kiều O và ông Sơn M thuận tình ly hôn. Giấy chứng nhận kết hôn số 81/2015 Quyển số 01/2015 ngày 09/6/2015 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh hết hiệu lực.

- Về con chung: Có 02 trẻ tên Sơn Thị Ngọc H, sinh ngày 12/7/2014 và Sơn Thị Ngọc H1, sinh ngày 11/3/2017, giao cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng 02 trẻ H và H1. Ông M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng cho mỗi trẻ, thi hành từ tháng 7 năm 2019 cho đến khi hai con chung lần lượt tròn 18 (mười tám) tuổi. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bà O có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông M chậm hoặc không thi hành số tiền cấp dưỡng nêu trên, thì phải chịu tiền lãi phát sinh đối với số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thoả thuận; nếu không thoả thuận được thì yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà O và ông M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nghĩa vụ chung về tài sản: Bà O và ông M xác định không có.

2. Về lệ phí Tòa án:

Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà Nguyễn Thị Kiều O và ông Sơn M chịu, nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà O và ông M đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2019/0022202 ngày 17/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Bà O và ông M đã nộp đủ lệ phí tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã B, huyện C;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Bùi Sơn Hà**